

THANH TRA CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **63** /QĐ-TTCP

Hà Nội, ngày **26** tháng **02** năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt "Bộ chỉ số đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng đối với UBND cấp tỉnh năm 2017"

TỔNG THANH TRA CHÍNH PHỦ

Căn cứ Nghị định số 59/2013/NĐ-CP ngày 17/6/2013, của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng;

Căn cứ Nghị định số 83/2012/NĐ-CP ngày 09/10/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ;

Căn cứ chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 2757/VPCP-V.I ngày 23/3/2017 về việc giao Thanh tra Chính phủ tiếp tục xây dựng và áp dụng Bộ chỉ số đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng cấp tỉnh 2017;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Chống tham nhũng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt "Bộ chỉ số đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng đối với UBND cấp tỉnh năm 2017".

Điều 2. Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Cục trưởng Cục Chống tham nhũng; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận: /

- Phó TTg Trương Hòa Bình (để b/c)
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Thanh tra các tỉnh, Tp trực thuộc TW;
- Như điều 2;
- Công TTĐT (TTCP);
- Lưu: VT, C.IV.



TỔNG THANH TRA

Lê Minh Khái

THE UNIVERSITY OF THE STATE OF NEW YORK
THE STATE EDUCATION DEPARTMENT
OFFICE OF GENERAL SERVICES

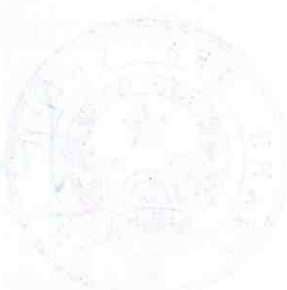
STATE OF NEW YORK
OFFICE OF GENERAL SERVICES
100 NASSAU ST., 10TH FLOOR
ALBANY, N.Y. 12242-1200
TEL: 518/474-2000

STATE OF NEW YORK
OFFICE OF GENERAL SERVICES

STATE OF NEW YORK
OFFICE OF GENERAL SERVICES
100 NASSAU ST., 10TH FLOOR
ALBANY, N.Y. 12242-1200
TEL: 518/474-2000

STATE OF NEW YORK
OFFICE OF GENERAL SERVICES

STATE OF NEW YORK
OFFICE OF GENERAL SERVICES
100 NASSAU ST., 10TH FLOOR
ALBANY, N.Y. 12242-1200
TEL: 518/474-2000

Handwritten signature


STATE OF NEW YORK
OFFICE OF GENERAL SERVICES
100 NASSAU ST., 10TH FLOOR
ALBANY, N.Y. 12242-1200
TEL: 518/474-2000

**CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
CẤP TỈNH NĂM 2017**

(Phụ lục kèm theo Quyết định số 63 /QĐ-TTCTP
ngày 26 tháng 02 năm 2018 của Tổng Thanh tra Chính phủ)

Nội dung đánh giá	Thang điểm
TỔNG ĐIỂM (A+B+C+D)	100
A. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC PCTN	20
1. Lãnh đạo, chỉ đạo về công tác PCTN	5.0
1.1 Văn bản chỉ đạo về công tác PCTN	2.0
1.1.1 Yêu cầu về nội dung	1.0
1.1.2 Yêu cầu về tính kịp thời	1.0
1.2 Chương trình, kế hoạch PCTN	3.0
1.2.1 Về hình thức văn bản	1.0
1.2.2 Về nội dung	2.0
2. Nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện thể chế về công tác quản lý kinh tế xã hội để phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng	2.0
2.1 Ban hành kế hoạch	
2.2.1 Xác định mục tiêu	
2.2.2 Xác định những nhiệm vụ	0.1
2.2.3 Phân công, bố trí nguồn lực thực hiện	0.1
2.2 Kết quả thực hiện xây dựng thể chế	0.1
2.3 Có kiến nghị hoàn thiện thể chế	0.6
	0.6
	0.5
3. Giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN	3.0
3.1 Kế hoạch, chương trình giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN	0.9
3.1.1 Về hình thức	0.1
3.1.2 Về nội dung	0.8
3.2 Thực hiện kế hoạch, chương trình giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN	1.6

3.2.1 Thực hiện các nội dung của kế hoạch thực hiện Chỉ thị 10/TTg	0.6
3.2.2 Thực hiện các nội dung của kế hoạch thực hiện Chỉ thị 05/CT-TW	0.5
3.2.3 Thực hiện các nội dung của kế hoạch tuyên truyền của địa phương ngoài các nội dung trên	0.5
3.3 Sáng tạo trong công tác giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN	0.5
4. Công tác thanh tra, kiểm tra	7.0
4.1 Kế hoạch thanh tra, kiểm tra	1.5
4.1.1 Về hình thức	0.5
4.1.2 Về nội dung	1.0
4.2 Thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra	5.5
4.2.1 Việc triển khai kế hoạch thanh tra trách nhiệm	2.5
4.2.2 Việc triển khai kế hoạch thanh tra kinh tế - xã hội	2.0
4.2.3 Việc triển khai kế hoạch kiểm tra	1.0
5. Về sự tham gia của xã hội trong công tác PCTN	2.0
5.1 Xây dựng nội dung phối hợp về công tác PCTN	0.6
5.1.1 Có quy chế phối hợp công tác giữa cơ quan nhà nước và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh	0.4
5.1.2 Có chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc phối hợp với UBMTTQ công tác	0.2
5.2 Tiếp thu các kiến nghị sau giám sát	0.4
5.3 Tổ chức tiếp công dân	1.0
5.3.1 Việc tiếp công dân của lãnh đạo UBND cấp tỉnh	0.7
5.3.2 Việc tiếp nhận kiến nghị, phản ánh của công dân bằng các hình thức khác	0.3
6. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo về PCTN	1.0
6.1 Thực hiện đầy đủ kịp thời chế độ thông tin, báo cáo chung	0.5
6.2 Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo ở địa phương	0.5

B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA	30
1. Việc thực hiện công khai, minh bạch	9.0
1.1 Thực hiện công khai chính sách, pháp luật trên cổng thông tin điện tử	1.0
1.2 Công khai, minh bạch trong một số lĩnh vực được lựa chọn trong năm 2017	8.0
1.2.1 Công tác cán bộ	1.5
1.2.2 Về lĩnh vực tài chính và ngân sách nhà nước	1.5
1.2.3 Về lĩnh vực đất đai, tài nguyên	1.5
1.2.4 Về lĩnh vực đầu tư, mua sắm công	1.5
1.2.5 Về lĩnh vực giáo dục	1.0
1.2.6 Về lĩnh vực y tế	1.0
2. Cải cách hành chính	3.0
3. Việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức	2.0
3.1 Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh	0.5
3.2 Kết quả của việc chuyển đổi vị trí công tác	1.5
4. Minh bạch tài sản, thu nhập	5.0
4.1 Việc kê khai	0.5
4.2 Việc công khai bản kê khai	0.5
4.3 Việc xác minh tài sản, thu nhập	4.0
4.3.1 Số cuộc xác minh tài sản, thu nhập	2.0
4.3.2 Kết quả xác minh tài sản, thu nhập	2.0
5. Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn	2.0
6. Xử lý kỷ luật người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị	4.0
7. Kết quả phát hiện, xử lý các vi phạm trong việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa	5.0
7.1 Việc phát hiện vi phạm	2.5

7.2 Việc xử lý sai phạm	2.5
-------------------------	-----

C. PHÁT HIỆN CÁC HÀNH VI THAM NHŨNG		25
1. Qua công tác tự kiểm tra nội bộ		6.0
1.1 Số vụ việc có liên quan đến tham nhũng được phát hiện		3.0
1.2 Tiền, tài sản được kiến nghị thu hồi và đã thu hồi		3.0
2. Qua công tác thanh tra		5.0
2.1 Số vụ việc có liên quan đến tham nhũng được phát hiện		2.0
2.2 Tiền, tài sản được kiến nghị thu hồi và đã thu hồi		3.0
3. Qua công tác giải quyết tố cáo tham nhũng		5.0
3.1 Số vụ việc có liên quan đến tham nhũng được phát hiện		2.0
3.2 Tiền, tài sản được kiến nghị thu hồi và đã thu hồi		3.0
4. Qua hoạt động giám sát		5.0
4.1 Số vụ việc có liên quan đến tham nhũng được phát hiện		2.0
4.2 Tiền, tài sản được kiến nghị thu hồi và đã thu hồi		3.0
5. Qua công tác điều tra, truy tố, xét xử các hành vi tham nhũng		4.0
5.1 Số vụ việc có liên quan đến tham nhũng		2.0
5.2 Tiền, tài sản được kiến nghị thu hồi và đã thu hồi		2.0

D. XỬ LÝ CÁC HÀNH VI THAM NHŨNG		25
1. Xử lý hành chính		5.0
2. Xử lý hình sự		10.0
3. Thu hồi tài sản tham nhũng		10.0